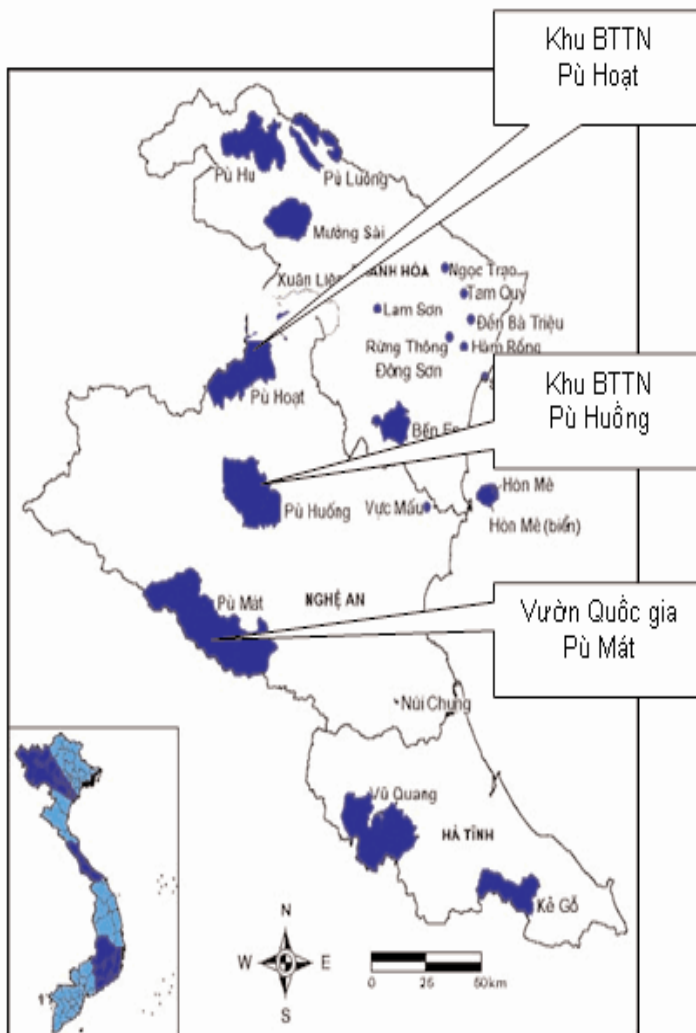


# ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI THỰC VẬT HỌ LONG NÃO Ở KHU BTTN PÙ HOẠT

■ PGS. Phạm Hồng Ban  
TS. Nguyễn Anh Dũng  
Trường Đại học Vinh



Bản đồ Khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Họ Long não (Lauraceae) là một trong những họ lớn của ngành Ngọc Lan (Magnoliophyta), có khoảng 55 chi và trên 2.500 loài, phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á, Brazil [5]. Nhiều loài cây trong họ này có giá trị làm thuốc, lấy gỗ, cho tinh dầu... như Quế thanh (*Cinnamomum cassia*), Quế rừng (*Cinnamomum iners*), Bời lời chanh (*Litsea cubeba*), Re củồng dài (*Cinnamomum longepetiolatum*), Re hương (*Cinnamomum balansae*)...

Việt Nam là nước nhiệt đới gió mùa với hệ thống rừng mưa nhiệt đới phong phú, rất thuận lợi cho họ Long não phát triển, đặc biệt là chi Quế (*Cinnamomum*). Đây là điều kiện rất tốt để bảo tồn và phát triển, khai thác các loài trong chi Quế nhằm mục đích xuất khẩu. Họ Long não ở nước ta có khoảng 21 chi, 280 loài, 28 thứ, 2 dạng, phân bố giảm dần từ Bắc xuống Nam. Riêng chi Quế (*Cinnamomum*) có 49 loài, trong đó có 15 loài Quế được con người sử dụng lấy tinh dầu và làm thuốc [5, 6]. Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt nằm trong Khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An. Hệ thực vật nơi đây chưa được nghiên cứu nhiều, đặc biệt đa dạng loài của các họ. Thực hiện chương trình nghiên cứu đa dạng sinh học ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt từ năm 2015-2016, chúng tôi cung cấp những dẫn liệu bước đầu về họ Long não (*Lauraceae*) ở khu vực này, góp phần đánh giá tính đa dạng loài, phục vụ cho công tác bảo tồn, phát triển và khai thác hợp lý.

## II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu là các loài thuộc họ Long não (Lauraceae) phân bố tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An. Thời gian được thực hiện từ tháng 8/2015 đến tháng 10/2016.

Mẫu vật được thu thập và xử lý theo phương pháp nghiên cứu của Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [8]. Định loại được thực hiện với việc sử dụng theo phương pháp hình thái so sánh, dựa vào các tài liệu của Phạm Hoàng Hộ (2000) [6], Thực vật chí Trung Quốc (2003) [9].

Đánh giá đa dạng các loài, đa dạng các yếu tố địa lý theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [8]. Đánh giá tính đa dạng về dạng sống theo Raukiaer (1934)[10]. Xác định các loài bị đe dọa theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) [2], Nghị Định 32/NĐ-CP/2006 [4] và trong Danh lục Đỏ IUCN (2013).

Xác định giá trị sử dụng của các loài dựa vào các tài liệu: Từ điển cây thuốc Việt Nam của Võ Văn Chi

(2012) [3], 1.900 loài cây có ích của Trần Đình Lý (1993) [7], Danh lục thực vật Việt Nam của Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên, 2003, 2005) [1].

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN**

**1. Đa dạng loài của họ Long não ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt**

Kết quả nghiên cứu thành phần loài của họ Long não (Lauraceae) ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An. Bước đầu chúng tôi đã xác định được 58 loài, thuộc 11 chi được trình bày ở bảng 1.

**Bảng 1. Danh lục thành phần loài của họ Long não (Lauraceae) ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An**

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	YTĐL	DS	GTSD
	<b>Gen.1. Actinodaphne Nees</b>	<b>Bộp</b>			
1	<i>Actinodaphne elliptibacca</i> Kosterm.*	Bộp trái bầu dục	6	Mi	M,T
2	<i>Actinodaphne perlucida</i> Allen	Bộp suốt	6	Mi	T,E
3	<i>Actinodaphne pilosa</i> (Lour.) Merr.	Bộp lông	6.1	Mi	E
4	<i>Actinodaphne rehderiana</i> (Allen) Kosterm.	Bộp rehder	6	Me	M
	<b>Gen.2. Beilschmiedia Nees f.</b>	<b>Chấp</b>			
5	<i>Beilschmiedia balansae</i> Lecomte	Chấp balanxa	6	Me	M
6	<i>Beilschmiedia chevalieri</i> Kosterm.	Chấp chevali	6	Me	T
7	<i>Beilschmiedia foveolata</i> Kosterm.	Chấp lửa	6	Me	T
8	<i>Beilschmiedia sphaerocarpa</i> Lecomte	Chấp quả hình cầu	6	Mg	T,E
	<b>Gen.3. Cassytha L. f.</b>	<b>Tơ xanh</b>			
9	<i>Cassytha filiformis</i> L.	Tơ xanh	4.4	Pp	E
	<b>Gen.4. Cinnamomum Schaeff.</b>	<b>Chi Quế</b>			
10	<i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte*	Vù Hương	4.1	Me	M,T,E,Oil
11	<i>Cinnamomum bonii</i> Lecomte	Quế Yên Bái	4.4	Me	M,T,E
12	<i>Cinnamomum burmannii</i> (C. & T. Nees) Blume	Quế rành	4.1	Me	M,T,E
13	<i>Cinnamomum camphora</i> (L.) J. S. Presl	Long não	4.2	Me	T,E,Oil
14	<i>Cinnamomum cassia</i> Presl	Quế thanh	4	Me	M,T,E
15	<i>Cinnamomum doederleinii</i> var. <i>raoanensis</i> KimDao	Quế raoan	6	Na	M,E,Oil
16	<i>Cinnamomum inconspicuum</i> Kosterm. sec. Phamh.	Quế ngò	6	Na	M,T, E,Oil
17	<i>Cinnamomum iners</i> Reinw.	Quế rừng	4	Me	M,T,E
18	<i>Cinnamomum mairei</i> H. Lev.	Quế bạc	6.1	Me	M,T,E,F
19	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack.) Meisn.*	Re hương	4.2	Mg	M,T, E,Oil
20	<i>Cinnamomum polyadelphum</i> (Lour.) Kosterm	Quế bời lời	4.2	Me	M,T,E
21	<i>Cinnamomum scalarinervium</i> Kosterm.	Re gân hình thang	6	Me	T,E, Oil
22	<i>Cinnamomum tonkinense</i> (Lecomte) A. Chev.	Re xanh	6.1	Me	M,T,E
23	<i>Cinnamomum tetragonum</i> A. Chev.	Re đỏ	6.1	Me	T,E,Oil
24	<i>Cinnamomum verum</i> Presl	Quế hồi	6.1	Me	T,E,Oil
	<b>Gen.5. Cryptocarya R.Br.</b>	<b>Ấn hạch</b>			
25	<i>Cryptocarya densiflora</i> Blume	Cà đuối hoa dày	4.1	Me	T
26	<i>Cryptocarya ochracea</i> Lecomte	Cà đuối sét	6	Me	T
	<b>Gen.6. Dehaasia Blume- f.</b>	<b>Tiểu hoa</b>			
27	<i>Dehaasia annamensis</i> Kosterm	Tiểu hoa Trung bộ	6	Me	Oil
28	<i>Dehaasia caesia</i> Blume	Cà đuối lục lam	4.1	Mg	T
29	<i>Dehaasia cuneata</i> var. <i>longifolia</i> Lecomte	Tiểu hoa nêm lá dài	4.5	Me	M,T

	<b>Gen.7. <i>Lindera</i> Thunb.</b>	<b>Lòng trứng</b>			
30	<i>Lindera caudata</i> (Nees) Hook.f.	Lòng trứng đuôi	4.2	Me	M,Oil
31	<i>Lindera communis</i> Hemsl.	Lòng trứng thông thường	6.1	Me	M,E,Oi,T
32	<i>Lindera racemosa</i> Lecomte	Lòng trứng hoa vàng	6	Me	M,E
	<b>Gen.8. <i>Litsea</i> Lamk.</b>	<b>Bời lời</b>			
33	<i>Litsea acutivena</i> Hayata	Bời lời gân chét	6.1	Me	T
34	<i>Litsea baviensis</i> Lecomte	Bời lời ba vì	6.1	Me	T,Oil
35	<i>Litsea chartacea</i> (Wall. ex Nees) Hook.f.	Bời lời da	4.2	Me	T
36	<i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers.	Màng tang	6	Me	M,E,T,Oil
37	<i>Litsea elongata</i> (Wall.ex Nees) Benth.et Hook.f.	Bời lời lá thuôn	6.2	Me	
38	<i>Litsea euosma</i> J.J.Sm.	Bời lời núi đá	6.1	Me	M,E,T
39	<i>Litsea grandifolia</i> Lecomte	Bời lời lá to	6	Me	T
40	<i>Litsea griffithii</i> Gamble var. <i>annamensis</i> Liouho	Bời lời Trung bộ	6	Me	T
41	<i>Litsea laevifolia</i> Kosterm. sec. Phamh.	Bời lời xấu	6	Na	M,T
42	<i>Litsea lancifolia</i> var. <i>alternifolia</i> Meisn.	Bời lời xen	4.3	Mi	T,E
43	<i>Litsea lancilimba</i> Merr.	Bời lời phiến thon	5.4	Me	M,T,Oil
44	<i>Litsea monopelata</i> (Roxb.) Pers.	Mò giầy	6.1	Me	M,T,Oil,E
45	<i>Litsea myristicaefolia</i> (Meissn.) Hook.f.	Bời lời lá nhục đậu khấu	4.2	Mg	E,T
46	<i>Litsea umbellata</i> (Lour.) Merr.	Bời lời đấng	4.1	Mi	E
47	<i>Litsea verticillata</i> Hance	Bời lời cuống ngắn	6.1	Mi	E
48	<i>Litsea viridis</i> Liou	Bời lời xanh	6.1	Mi	M,T,E
49	<i>Litsea viridis</i> var. <i>clemensii</i> Liou	Bời lời clemen	6.1	Mi	E
50	<i>Litsea yunnanensis</i> Yang et P.H.Huang	Bời lời Vân Nam	6.1	Me	T
	<b>Gen.9. <i>Machilus</i> Nees f.</b>	<b>Kháo</b>			
51	<i>Machilus parviflora</i> Meissn.	Kháo hoa nhỏ	4.2	Me	T
52	<i>Machilus chinensis</i> (Champ.ex Benth.) Hemsl.	Kháo Trung Quốc	4.2	Me	T
53	<i>Machilus cochinchinensis</i> Lecomte	Kháo Nam bộ	4.2	Me	T
	<b>Gen.10. <i>Neocinnamomum</i> Liou</b>	<b>Re mới</b>			
54	<i>Neocinnamomum devaleyi</i> (Lecomte) Liou	Re mới hoa nhỏ	6.1	Mi	M
	<b>Gen.11. <i>Phoebe</i> Nees f.</b>	<b>Re trắng</b>			
55	<i>Phoebe lanceolata</i> (Wall. ex Nees) Nees	Re trắng mũi mác	4	Me	M,T,E
56	<i>Phoebe pallida</i> (Nees) Nees	Re trắng nhót	4.2	Me	T
57	<i>Phoebe paniculata</i> Nees.	Sụ hoa chùy	4.2	Me	M,T
58	<i>Phoebe tavoyana</i> (Meisn.) Hook. f.	Re trắng lá to	4.2	Me	T

Ghi chú: \* Sách Đỏ Việt Nam; YTĐL: Yếu tố địa lý; DS: Dạng sống; GTSD: Giá trị sử dụng; M: Cây làm thuốc; T: Cây cho gỗ; E: Cho tinh dầu; Oil: Lấy dầu; F: Cây ăn được.

## 2. Phân bố số lượng loài trong các chi của họ Long não

**Bảng 2. Phân bố số lượng loài trong các chi của họ Long não**

TT	Chi	Số loài	Tỷ lệ %
1	<i>Litsea</i>	18	31,03
2	<i>Cinnamomum</i>	15	25,86
3	<i>Phoebe, Actinodaphne, Beilschmiedia</i>	4	6,89
4	<i>Dehaasia, Lindera, Machilus</i>	3	5,17
5	<i>Cryptocarya</i>	2	3,44
6	<i>Neocinnamomum, Cassytha</i>	1	1,72

Kết quả ở bảng trên cho thấy, trong số 11 chi của họ Long não thì số lượng loài phân bố trong mỗi chi không đều nhau. Trong đó, chi *Litsea* là chi đa dạng nhất với 18 loài (chiếm 31,03%); tiếp đến là chi *Cinnamomum* với 15 loài (chiếm 25,86%); chi *Phoebe, Actinodaphne, Beilschmiedia* có 4 loài

(chiếm 6,89%); chi *Dehaasia, Lindera, Machilus* có 3 loài (chiếm 5,17%); chi *Cryptocarya* có 2 loài (chiếm 3,44%); các chi còn lại đều có 1 loài (chiếm 1,72%).

## 3. Đa dạng về dạng sống

Dạng sống nói lên bản chất sinh thái của hệ thực vật cũng như các hệ sinh thái khác. Khi phân tích phổ dạng sống của họ Long não ở khu vực nghiên cứu theo hệ thống phân loại dạng sống của *Raunkiear* (1934) với 58 loài được xác định thì nhóm dạng sống chồi trên chiếm ưu thế tuyệt đối với tỷ lệ 100%, không có các nhóm dạng sống khác thể hiện qua bảng 3.

**Bảng 3. Tỷ lệ của các dạng sống nhóm cây chồi trên (Ph)**

Dạng sống	Mg	Me	Mi	Na	Pp	Tổng
Số loài	4	41	9	3	1	58
Tỷ lệ %	6,89	70,68	15,51	5,17	1,72	100

Từ kết quả thu được ở bảng 3, chúng tôi lập phổ dạng sống cho nhóm cây chồi trên (Ph) ở địa điểm nghiên cứu như sau:

$$Ph\% = 6,89Mg\% + 70,68Me\% + 15,51Mi\% + 5,17Na\% + 1,72Pp\%.$$

Kết quả trên cho thấy, các loài trong họ Long não (Lauraceae) ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt với nhóm dạng sống cây chồi trên lớn chiếm ưu thế tuyệt đối thuộc các chi, *Cinnamomum*, *Litsea*, *Cryptocarya*, *Actinodaphne*, *Beilschmiedia*, *Dehaasia*, *Phoebe*. Ngoài ra, các nhóm cây khác chiếm tỷ lệ không đáng kể.

**4. Đa dạng về giá trị sử dụng**

Giá trị sử dụng theo các tài liệu của Võ Văn Chi (2012)[3], Nguyễn Kim Đào (2003)[5], Trần Đình Lý và cs (1993)[7]... Kết quả được trình bày ở bảng 4.

**Bảng 4. Giá trị sử dụng của họ Long não (Lauraceae) ở Khu BTTN Pù Hoạt**

TT	Giá trị sử dụng	Số loài*	Tỷ lệ (%)
1	Cây cho tinh dầu (E)	32	26,01
2	Cây cho gỗ (T)	46	37,40
3	Làm thuốc (M)	28	22,76
4	Cây cho dầu béo (Oil)	16	13,01
5	Cây cho quả ăn được	1	0,81

*Ghi chú: \*Một loài có 1 đến nhiều giá trị sử dụng khác nhau*

Kết quả bảng trên cho thấy, cây cho gỗ chiếm tỷ lệ cao nhất với 46 lượt loài (chiếm 37,40%); tiếp đến là cây cho tinh dầu với 32 lượt loài (chiếm 26,01%); cây làm thuốc với 28 lượt loài (chiếm 22,76%); cây cho dầu béo với 16 lượt loài (chiếm 13,01%); thấp nhất là cây cho quả ăn được với 1 loài (chiếm 0,81%). Như vậy, trong các nhóm giá trị sử dụng thì nhóm cây cho gỗ và cho tinh dầu với số lượng lượt loài sử dụng nhiều nhất. Điều này hoàn toàn hợp lý, vì đây là một họ

có nhiều loài cây tham gia tổ thành thảm thực vật quan trọng ở các khu rừng nhiệt đới.

**5. Đa dạng về các yếu tố địa lý**

Trong 58 loài của họ Long não (Lauraceae) đã xác định được ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt. Dựa và khung phân loại của Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [8] và các tài liệu liên quan khác, kết quả cho thấy, yếu tố nhiệt đới châu Á với 20 loài chiếm 38,46%, tiếp đến là yếu tố đặc hữu với 30 loài chiếm 57,70%.

**6. Các loài thực vật bị đe dọa**

Dựa vào các loài công bố trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), trong Nghị Định 32/NĐ-CP/2006, chúng tôi đã thống kê được 3 loài, trong đó có 1 loài rất nguy cấp (CR) và 1 loài đang nguy cấp (EN) và 1 loài sẽ nguy cấp (VU).

**Bảng 5. Các loài thực vật đang bị đe dọa ở khu vực nghiên cứu**

TT	Loài	Mức độ nguy cấp	
		SDVN (2007)	NĐ 32/2006
1	<i>Actinodaphne elliptibacca</i> Kosterm.	EN	
2	<i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte	VU	
3	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i> (Jack.) Meisn.	CR	IIA



Loài Màng tang



Loài Long nảo

Như vậy, họ Long nảo (Lauraceae) ở trong khu vực nghiên cứu có loài Bộp trái bầu dục (*Actinodaphne elliptibacca*) thuộc mức độ nguy cấp (EN); loài Re hương (*Cinnamomum parthenoxylon*) ở mức độ rất nguy cấp (CR), II.A; loài Gù hương (*Cinnamomum balansae*) cấp (VU). Đây là những loài có giá trị kinh tế như cho tinh dầu, làm thuốc đặc biệt cho gỗ rất

tốt nên bị khai thác triệt để, do đó trong tự nhiên số lượng các loài này rất ít, phân bố rải rác. Do vậy, cần có những chính sách bảo tồn và phát triển bền vững.

#### IV. KẾT LUẬN

Đã xác định được 58 loài thuộc 11 chi của họ Long nảo ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An.

Các chi đa dạng nhất của họ Long nảo là: Litsea - 18 loài, Cinnamomum - 15 loài, còn các chi khác có từ 1- 4 loài.

Phổ dạng sống của họ Long nảo (Lauraceae) ở khu vực nghiên cứu là:

Ph% = 6,89Mg% + 70,68Me% + 15,51Mi% + 5,17Na% + 1,72Pp%.

Họ Long nảo (Lauraceae) ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt thuộc 3 yếu tố chính là yếu tố đặc hữu chiếm 57,70%, yếu tố nhiệt đới châu Á chiếm 38,46%, yếu tố ôn đới chiếm 1,92%.

- Các loài cây thuộc họ Long nảo (Lauraceae) tại khu vực nghiên cứu có nhiều giá trị sử dụng khác nhau, trong đó cây cho gỗ chiếm ưu thế với 46 loài, cây cho tinh dầu với 32 loài, cây làm thuốc với 28 loài, cây cho dầu béo với 16 loài và cây ăn được với 1 loài.

- Có 3 loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) là Bộp trái bầu dục (*Actinodaphne elliptibacca*) thuộc mức độ nguy cấp (EN), loài Re hương (*Cinnamomum parthenoxylon*) ở mức độ rất nguy cấp (CR), Gù hương (*Cinnamomum balansae*) ở mức độ sẽ nguy cấp (VU)/.

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tiến Bản (chủ biên), (2003-2005), *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007), *Sách Đỏ Việt Nam*, Phần II- Thực vật, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
3. Võ Văn Chi (2012), *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, tập 1-2, Nxb Y học, Hà Nội.
4. Chính phủ Việt Nam (2006), Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006, *Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*, Hà Nội.
5. Nguyễn Kim Đào, *Họ Long nảo - Lauraceae Juss.* Thực vật chí Việt Nam, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2010, 677tr.
6. Phạm Hoàng Hộ (1999-2000), *Cây cỏ Việt Nam*, tập 1-3, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Trần Đình Lý (1993), *1900 loài cây có ích*, Nxb Thế Giới, Hà Nội.
8. Nguyễn Nghĩa Thìn (2008), *Phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Pitard in Lecomte, 1923, *Flore Generale de L'Indo-Chine*, Pari, 3: 44-53.
10. Raunkiear C, (1934), *Plant life forms*, Claredon, Oxford, Pp.104.